

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/KDTM-ST

Ngày 11/9/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quang Chung; bà Trịnh Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 26/7/2023, ngày 22/8/2023 và ngày 11/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2023/TLST-KDTM ngày 17/02/2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-KDTM ngày 04/7/2023 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-KDTM ngày 26/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-KDTM ngày 22/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng.

Địa chỉ trụ sở: Số 108 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 1035/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 17/9/2021):

1. Ông Đặng Văn H - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng - Chi nhánh Nam Định.

2. Ông Đặng Huy Q - Chức vụ: Trưởng phòng Tổng hợp Ngân hàng - Chi nhánh Nam Định.

3. Ông Phùng Ngọc L - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng - Chi nhánh Nam Định. .

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu PT.

Địa chỉ trụ sở: Lô 8 đường N5 khu Công nghiệp H, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu PT.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Phạm Đức Q, sinh năm 1964.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969.

Cùng đăng ký thường trú: Số 9/56 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Anh Phạm Văn P, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký thường trú: Số 44 hẻm 72/1/101 đường N, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Phiên tòa có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Q, ông L; bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà P, ông Q, anh P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại

diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Phùng Ngọc L trình bày: Ngân hàng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009, địa chỉ trụ sở tại 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật là ông Trần Minh B - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng. Ngân hàng Nam Định là Chi nhánh trực thuộc Ngân hàng, hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKHKCN số 0100111948-016-1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 18/8/2009, địa chỉ trụ sở Chi nhánh tại 119 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố N. Giám đốc Ngân hàng Nam Định là ông Đinh Ngọc S.

Ngày 14/5/2018 Ngân hàng Nam Định và Công ty PT ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số TD015/2018-HĐCVHM/NHCT380-PT để Công ty PT vay vốn Ngân hàng với mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty hoạt động sản xuất, kinh doanh ngành hàng dệt may, nhuộm in ... với tổng số tiền được giải ngân tối đa là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng). Thời hạn cho vay tối đa từng lần nhận nợ là 08 tháng. Sau khi ký hợp đồng cho vay Ngân hàng đã tiến hành giải ngân và Công ty PT đã nhận nợ, trả nợ cụ thể như sau:

- Ngày 27/8/2018 giải ngân chuyển vào số tài khoản vay 807003191907 số tiền 4.650.000.000 đồng. Hạn trả nợ gốc ngày 27/02/2019. Lãi xuất vay 7%. Đã trả nợ đủ gốc là 4.650.000.000 đồng vào các ngày 06/12/2019 trả 500.000.000 đồng, ngày 04/02/2020 trả 160.000.000 đồng, ngày 19/3/2020 trả 3.990.000.000 đồng.

- Ngày 28/8/2018 giải ngân chuyển vào số tài khoản vay 803003193388 số tiền 4.270.000.000 đồng. Hạn trả gốc ngày 28/02/2019. Lãi xuất vay 7%. Đã trả nợ đủ gốc là 4.270.000.000 đồng vào các ngày 16/8/2019 trả 650.000.000 đồng, ngày 22/8/2019 trả 80.000.000 đồng, ngày 11/9/2019 trả 562.000.000 đồng, ngày 08/11/2019 trả 2.977.900.000 đồng.

- Ngày 29/8/2018 giải ngân chuyển vào số tài khoản vay 806003194508 số tiền 5.000.000.000 đồng. Hạn trả gốc ngày 28/02/2019. Lãi xuất vay 7%. Đã trả đủ nợ gốc là 5.000.000.000 đồng vào ngày 19/3/2020.

- Ngày 29/8/2018 giải ngân chuyển vào số tài khoản vay 805003195835 số tiền 6.050.000.000 đồng. Hạn trả gốc ngày 28/02/2019. Lãi xuất vay 7%. Đã trả nợ gốc là 3.840.182.879 đồng vào các ngày 08/11/2019 trả 2.849.786.338 đồng,

ngày 19/3/2020 trả 810.000.000 đồng, ngày 12/5/2020 trả 180.396541 đồng. Dư nợ gốc còn lại 2.209.817.121 đồng.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Số tiền vay được bảo đảm bằng các tài sản thế chấp thuộc sở hữu của thành viên Công ty và của bên thứ ba khác.

- Hợp đồng thế chấp số: 1339902 ngày 20/12/2013 gồm đất và tài sản trên đất tại số 44 hẻm 72/1/101 N, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Văn P.

- Hợp đồng thế chấp số: 1339901 ngày 20/12/2013 gồm đất và tài sản trên đất của cá nhân tại tổ 38 C, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị P.

- Hợp đồng thế chấp số: 1339655 ngày 09/11/2013 gồm nhà xưởng Công ty tại lô N8 đường N5 khu Công nghiệp HX, MX, thành phố N là tài sản của Công ty PT.

- Hợp đồng thế chấp số: 1339656 ngày 09/11/2013 gồm đất và tài sản trên đất của cá nhân tại xóm G, MX, MX, thành phố N thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Văn Q.

- Hợp đồng thế chấp số: 1439020 ngày 20/6/2014 gồm máy móc thiết bị nhuộm là tài sản của Công ty PT.

- Hợp đồng thế chấp số: 1439021 ngày 20/6/2014 gồm máy móc thiết bị dệt may là tài sản của Công ty PT.

- Hợp đồng thế chấp số: 1539109 ngày 2/4/2015 gồm máy văng là tài sản của Công ty PT.

Ngân hàng Nam Định đã đồng ý giải chấp tài sản theo các hợp đồng thế chấp số 1339655 ngày 09/11/2013; số 1339656 ngày 09/11/2013; số 1439020 ngày 20/6/2014; số 1439021 ngày 20/6/2014; số 1539109 ngày 20/4/2015 để Công ty PT bán đổi trừ công nợ. Tính đến ngày 07/02/2023 Công ty PT đã trả Ngân hàng Nam Định số tiền gốc, lãi là: 17.760.182.897 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau với Công ty PT:

- Buộc Công ty PT trả nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm nợ gốc: 2.209.817.121 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.741.078.141 đồng, nợ lãi phạt: 1.161.273.911 đồng và số tiền lãi còn tính tiếp tục căn cứ số tiền gốc còn nợ cho

đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng Nam Định.

- Trong trường hợp Công ty PT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm còn lại để thu hồi nợ gồm tài sản theo hợp đồng thế chấp số: 1339902 ngày 20/12/2013 gồm đất và tài sản trên đất tại số 44 hẻm 72/1/101 N, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Văn P và hợp đồng thế chấp số: 1339901 ngày 20/12/2013 gồm đất và tài sản trên đất của cá nhân tại tổ 38 C, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị P.

- Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng yêu cầu Công ty PT tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

2. Bị đơn - Công ty PT, người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Giám đốc Công ty PT và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Đức Q, bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn P đã được Tòa án triệu tập; niêm yết các tài liệu, chứng cứ, các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do.

3. Ngày 14/4/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố N tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với đất và tài sản trên đất tại số 44 hẻm 72/1/101 N, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Văn P; đất và tài sản trên đất của cá nhân tại tổ 38 C, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị P. Tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt và có ý kiến 02 tài sản thế chấp này đều giữ nguyên hiện trạng, không có coi nói, xây dựng mới so với lúc thế chấp; đại diện theo pháp luật của bị đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Q, bà P, anh P đều vắng mặt không có lý do. Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ từ bên ngoài đã xác định:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 115-2, tờ bản đồ số 5G-I-25 (Nay là tờ bản đồ số 6G-III-25) tại địa chỉ: Tổ 38, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Nay là địa chỉ: Số 44 hẻm 72/1/101 đường N, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 741617 cho bà Nguyễn Thị P. Vị trí thửa đất hướng nam giáp ngõ đi; hướng tây giáp ngõ đi; hướng đông giáp thửa đất hộ nhà ông Linh, bà Vân; hướng bắc giáp thửa đất số 115-1. Tài sản trên đất có xây dựng 01 ngôi nhà bê tông 02 tầng, có coi nới tum lợp tôn.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 115-1, tờ bản đồ số 6G-III-25 tại địa chỉ: Số 44 hẻm 72/1/101 đường N, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 787242 cho anh Nguyễn Văn P. Vị trí thửa đất hướng nam giáp thửa đất số 115-2; hướng tây giáp ngõ đi; hướng bắc giáp thửa đất hộ nhà ông Hùng, bà Vân. Tài sản trên đất có xây dựng 01 ngôi nhà bê tông 02 tầng, có coi nới 01 tum lợp tôn.

Đại diện Tổ dân phố số 29 và Cán bộ Địa chính phường T có quan điểm: Thửa đất số 115-1 và 115-2 đều đúng về diện tích, kích thước so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cả hai ngôi nhà trên 02 thửa đất số 115-1 và 115-2 đều khóa cửa, được ghép vào nhau, không có người sinh sống. Quá trình sử dụng thửa đất số 115-1 và 115-2 không có tranh chấp về ranh giới, mốc giới. Từ năm 2013 đến nay cả hai ngôi nhà trên 02 thửa đất số 115-1 và 115-2 không xây dựng mới, không sửa chữa cải tạo gì.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về nhiệm vụ và quyền hạn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng; Điều 280; Điều 295; Điều 301; Điều 320, 321, 323; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

- Buộc Công ty P Thúy phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc: 2.209.817.121 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Là ngày 11/9/2023) nợ lãi trong hạn: 2.741.078.141 đồng, nợ lãi phạt: 1.161.273.911 đồng.

- Trong trường hợp Công ty P Thúy không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

- Trường hợp phát mại tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì Công ty PT tiếp tục có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản nợ.

- Buộc Công ty PT phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Theo đơn khởi kiện được thụ lý ngày 07/02/2023, nguyên đơn - Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp với Công ty PT theo hợp đồng cho vay hạn mức số: TD015/2018-HĐCVHM/NHCT380-PT ngày 14/5/2018 với mục đích Công ty PT vay tăng vốn lưu động để sản xuất, kinh doanh. Bị đơn - Công ty PT không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà P, ông Q, anh P không có yêu cầu độc lập. Do vậy, tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại về “Hợp đồng tín dụng”.

1.2. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng thì Công ty PT có địa chỉ trụ sở tại Lô 8 đường N5 khu Công nghiệp HX, phường MX, thành phố N, tỉnh Nam Định. Điểm 10.05 của hợp đồng cho vay hạn mức số: TD 015/2018-HĐCVHM/NHCT380-PHUONGTHUY ngày 14/5/2018 quy định “... Mọi tranh

chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam”, đồng thời có hoạt động giải ngân vay tiền tại Ngân hàng Nam Định. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Người tham gia tố tụng:

Quá trình tố tụng trong vụ án, nguyên đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và có mặt để làm việc. Bị đơn là bà P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Q, bà P, anh P đã được Tòa án triệu tập; niêm yết các tài liệu, chứng cứ, các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng tại phiên tòa hôm nay bà P, ông Q, anh P vẫn vắng mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt không có lý do và Hội đồng xét xử sẽ tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty PT:

2.1. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty PT:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kinh doanh của Công ty PT, Ngân hàng Nam Định đã ký hợp đồng hạn mức cho vay số: TD015/2018-HĐCVHM/NHCT380-PT cho Công ty PT vay trong hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) và đã thực hiện việc giải ngân cho Công ty PT thể hiện bằng giấy nhận nợ số 807003191907 ngày 27/8/2018; giấy nhận nợ số 803003193388 ngày 28/8/2018; giấy nhận nợ số 806003194508 ngày 29/8/2018; giấy nhận nợ số 805003195835 ngày 29/8/2018. Bản hợp đồng và các giấy nhận nợ đều được người đại diện hợp pháp của hai bên ký kết và đóng dấu, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 385, Điều 398, Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định hợp đồng hạn mức cho vay số: TD015/2018-HĐCVHM/NHCT380-PT và các giấy nhận nợ hai bên đã ký kết là hợp pháp.

2.2. Việc thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty PT:

Căn cứ hợp đồng hạn mức cho vay số: TD015/2018-

HĐCVHM/NHCT380-PT, Ngân hàng Nam Định đã giải ngân và Công ty PT đã xác nhận nợ và đã trả được các khoản tiền cụ thể:

- Ngày 27/8/2018 giải ngân chuyển vào số tài khoản vay 807003191907 số tiền 4.650.000.000 đồng; đã trả nợ đủ gốc và lãi vào các ngày 06/12/2019, ngày 04/02/2020, ngày 19/3/2020.

- Ngày 28/8/2018 giải ngân chuyển vào số tài khoản vay 803003193388 số tiền 4.270.000.000 đồng; đã trả nợ đủ gốc và lãi vào các ngày 16/8/2019, ngày 22/8/2019, ngày 11/9/2019, ngày 08/11/2019.

- Ngày 29/8/2018 giải ngân chuyển vào số tài khoản vay 806003194508 số tiền 5.000.000.000 đồng; đã trả đủ nợ gốc và lãi vào ngày 19/3/2020.

- Ngày 29/8/2018 giải ngân chuyển vào số tài khoản vay 805003195835 số tiền 6.050.000.000 đồng. Hạn trả gốc ngày 28/02/2019. Đã trả nợ gốc và lãi là 3.840.182.879 đồng vào các ngày 08/11/2019, ngày 19/3/2020, ngày 12/5/2020. Dư nợ gốc còn lại 2.209.817.121 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty PT đã được Ngân hàng Nam Định giải ngân là 19.970.000.000 đồng là nằm trong hạn mức tín dụng đã được hai bên thỏa thuận ký kết. Tổng số nợ gốc và lãi Công ty P đã thanh toán cho Ngân hàng Nam Định là 17.760.182.879 đồng. Ngày 29/8/2018 giải ngân chuyển vào số tài khoản vay 805003195835 dư nợ gốc Công ty PT còn nợ Ngân hàng Nam Định là: 2.209.817.121 đồng.

[3] Yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng đối với Công ty PT:

Mặc dù Công ty PT bị ảnh hưởng từ vụ cháy nổ tháng 12/2018, nhà xưởng, máy móc, vật tư nguyên liệu hư hại tổn thất, sản xuất của Công ty PT phải tạm ngừng. Để thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng Nam Định, Ngân hàng Nam Định đã đồng ý giải chấp các tài sản theo hợp đồng thế chấp số: 1339655 ngày 09/11/2013; hợp đồng thế chấp số: 1339656 ngày 09/11/2013; hợp đồng thế chấp số: 1439020 ngày 20/6/2014; hợp đồng thế chấp số: 1439021 ngày 20/6/2014; hợp đồng thế chấp số: 1539109 ngày 20/4/2015 để Công ty PT bán trả nợ.

Số tiền giải ngân chuyển vào số tài khoản vay 805003195835 theo giấy nhận nợ ngày 29/8/2018 dư nợ gốc còn lại là 2.209.817.121 đồng nhưng đến nay

Công ty PT cũng chưa thanh toán nốt là vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận về thanh toán nợ gốc và toàn bộ số lãi trong hạn, quá hạn của khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận và có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; căn cứ Điều 275, Điều 280, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ buộc Công ty PT phải thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ gốc còn lại là 2.209.817.121 đồng và toàn bộ nợ lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm (Là ngày 11/9/2023). Cụ thể:

Nợ gốc: 2.209.817.121 đồng; nợ lãi trong hạn: 2.741.078.141 đồng; nợ lãi phạt: 1.161.273.911 đồng. Tổng cộng là 6.112.169.173 đồng.

[4] Về các hợp đồng bảo đảm:

4.1. Về việc ký kết các hợp đồng bảo đảm:

Để bảo đảm cho khoản vay của Công ty PT, Ngân hàng Nam Định và Công ty PT đã thống nhất giải chấp các tài sản thuộc sở hữu của thành viên Công ty và của bên thứ ba theo các hợp đồng thế chấp số: 1339655 ngày 09/11/2013; hợp đồng thế chấp số: 1339656 ngày 09/11/2013; hợp đồng thế chấp số: 1439020 ngày 20/6/2014; hợp đồng thế chấp số: 1439021 ngày 20/6/2014; hợp đồng thế chấp số: 1539109 ngày 20/4/2015 để đối trừ công nợ, Ngân hàng cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề này.

Đối với các hợp đồng thế chấp còn lại là hợp đồng thế chấp số: 1339902 ngày 20/12/2013 gồm đất và tài sản trên đất tại số 44 hẻm 72/1/101 N, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của anh Phạm Văn P và hợp đồng thế chấp số: 1339901 ngày 20/12/2013 gồm đất và tài sản trên đất của cá nhân tại tổ 38 C, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị P. Đây cũng là các tài sản để thế chấp cho Công ty PT vay. Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài sản thế chấp này đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà P, ông Q, anh P và đại diện hợp pháp của Ngân hàng đã ký kết hợp đồng và các hợp đồng đều được công chứng vào ngày 20/12/2013 tại Phòng công chứng Việt, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy Hà Nội nên các bản

hợp đồng thế chấp được hai bên ký kết là hợp pháp.

4.2. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng:

Căn cứ thỏa thuận về xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 5 của Hợp đồng thế chấp số: 1339901 ngày 20/12/2013 và Điều 5 của Hợp đồng thế chấp tài sản số: 1339902 ngày 20/12/2013; căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2023 tại mục 3 phần nội dung vụ án; căn cứ vào nhận định về nghĩa vụ trả nợ của Công ty PT tại mục 3 phần nhận định của Tòa án; căn cứ Điều 299, Điều 301, Điều 320, Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng. Cụ thể: Trong trường hợp Công ty PT không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: 1339901 ngày 20/12/2013 và hợp đồng thế chấp số: 1339902 ngày 20/12/2013 để thu hồi nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp chưa đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty PT có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng.

[5] Nghĩa vụ của Công ty PT trong trường hợp chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, hàng tháng Công ty PT còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi phạt đối với số tiền nợ lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đối với lần giải ngân ngày 29/8/2018 chuyển vào số tài khoản vay 805003195835 dư nợ gốc còn lại là 2.209.817.121 đồng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được Quyết định cụ thể như sau:

Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng đã nộp khi khởi kiện sẽ được trả lại toàn bộ.

Công ty PT phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng là 6.112.169.173 đồng. Cụ thể là 112.000.000 đồng + (6.112.169.173 đồng - 4.000.000.000 đồng) x 0,1% = 114.112.169 đồng (Đã làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 275, Điều 280, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 301, Điều 320, Điều 321, Điều 323, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 402, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu PT phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (Là ngày 11/9/2023). Cụ thể như sau:

Nợ gốc là: 2.209.817.121 đồng; lãi trong hạn là: 2.741.078.141 đồng; lãi phạt là 1.161.273.911 đồng. Tổng cộng, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu PT phải trả cho Ngân hàng số tiền là 6.112.169.173 đồng (Sáu tỷ một trăm mười hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn một trăm bảy mươi ba đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu PT còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán và lãi phạt của số tiền lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

3. Xử lý tài sản bảo đảm:

Trong trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu PT không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số: 1339902 ngày 20/12/2013 (Thông tin về thửa đất: Thửa đất số 115-2, tờ bản đồ số 5G-I-25 (Nay là tờ bản đồ số 6G-III-25) tại địa chỉ: Tổ 38, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (Nay là địa chỉ: Số 44 hẻm 72/1/101 đường N, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 741617 cho bà Nguyễn Thị P) và hợp đồng thế chấp số: 1339901 ngày 20/12/2013 (Thông tin về thửa đất: Thửa đất số 115-1, tờ bản đồ số 6G-III-25 tại địa chỉ: Số 44 hẻm 72/1/101 đường N, phường T, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 787242 cho anh Nguyễn Văn P) để thu hồi nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm chưa đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu PT có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí 56.900.000 đồng (Lăm mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng) đã nộp tại Biên lai số 0005858 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu PT phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 114.112.169 đồng (Đã làm tròn) (Một trăm mười bốn triệu một trăm mười hai nghìn một trăm sáu mươi chín đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu PT, ông Phạm Đức Q, bà Nguyễn Thị P, anh Phạm Văn P có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên

